

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGHỀ QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 541/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 30/07/2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Thái Nguyên)*

Tên ngành, nghề: Quản lý và bán hàng siêu thị

Mã ngành, nghề: 5340424

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2,0 năm. Trong đó:

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

- Thời gian học tập: 1,5 năm
- Thời gian thực tập trải nghiệm: 0,5 năm.

(*) Đối tượng là học sinh tốt nghiệp THCS:

- Thời gian học tập chuyên môn: 1,5 năm
- Thời gian học văn hóa THPT: Theo chương trình quy định của Bộ GDĐT (*bổ trí xen kẽ trong thời gian học chuyên môn*).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo học sinh trở thành những nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng trong các siêu thị và các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tự chọn. Thành thạo kỹ năng bán hàng và quản lý hàng hóa trong siêu thị. Có tư duy nghiên cứu độc lập để tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc thực tế, có trách nhiệm với bản thân và xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Nắm vững các kiến thức cơ bản về quy luật cung – cầu, các quy định của Nhà nước trong việc mua – bán hàng hóa.
- + Nắm vững kiến thức chuyên sâu về các kỹ năng bán hàng, phân loại và trưng bày hàng hóa, các hoạt động quan hệ và chăm sóc khách hàng...
- + Nắm vững các kiến thức về xây dựng, quản lý bán hàng siêu thị trực tuyến và thương mại điện tử.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo bộ phần mềm Microsoft Office;
- + Sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý và bán hàng siêu thị;
- + Tổ chức, quản lý, điều hành công việc bán hàng trong các siêu thị hiện đại, các cửa hàng tự chọn, bán lẻ;
- + Tổ chức, sắp xếp, lưu kho hàng hóa trong siêu thị một cách khoa học;
- + Phân loại và trưng bày hàng hóa trong siêu thị khoa học, đẹp mắt;
- + Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có phẩm chất đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.
- + Có phương pháp làm việc khoa học; biết xác định, phân tích các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, sáng tạo trong thực hiện công việc.
- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn.
- + Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

- Chính trị, đạo đức:

- + Biết, hiểu và thực hiện trong thực tế cuộc sống những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong thể chế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- + Biết, hiểu và thực hiện được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Luôn chấp hành các nội quy, qui chế của nơi làm việc;
- + Có trách nhiệm, thái độ học tập chuyên cần và cầu tiến;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý;

- Thể chất và quốc phòng:

- + Có sức khỏe, thường xuyên rèn luyện sức khỏe để hoàn thành tốt các công việc;
- + Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân về lao động quốc phòng;
- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc tại các vị trí:

- Nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý trong siêu thị, các cửa hàng bán lẻ;

- Nhân viên bán hàng trong các doanh nghiệp;
- Nhân viên bán hàng trên các siêu thị trực tuyến;
- Nhân viên marketing và thương mại điện tử.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, mô đun: 21
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 tín chỉ - 1.455 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 245 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.210 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 444 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 940 giờ.

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH /MĐ	Tên môn học/module	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
					Tổng số	Trong đó		
						Lý thuyết	TH, TN, BT	KT
	I	Các môn học chung						
1	POL121	Chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1
4	MIE121	Giáo dục QP - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2
5	GIF121	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1
6	ENG141	Tiếng Anh -1	Lý thuyết	4	80	40	36	4
		Tổng (I)		12	245	112	122	11
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn						
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở						
7	CPY231	Tâm lý người tiêu dùng	Lý thuyết	3	60	27	30	3
8	CML231	Luật Thương mại	Lý thuyết	3	60	27	30	3
9	BMG231	Marketing căn bản	Lý thuyết	3	60	27	30	3
10	SAG231	Kế toán bán hàng	Lý thuyết	3	60	27	30	3
11	EIE221	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0
		Tổng (II.1)		14	330	108	210	12
	II.2	Các môn học, module chuyên nghề						
12	CBR331	Hành vi khách hàng (chuyên-	Lý thuyết	3	60	27	30	3

		sửa)						
13	SOS341	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6
14	SAD341	Phân loại và trưng bày hàng hóa	Tích hợp	4	90	30	54	6
15	PIM341	Quản trị mua hàng và lưu kho	Tích hợp	4	90	30	54	6
16	SMS341	Chiến lược Marketing siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6
17	RCC331	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	Tích hợp	3	70	17	50	3
18	SMS341	Phần mềm quản lý bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6
19	EAM341	Thương mại điện tử	Tích hợp	4	90	30	54	6
20	PPE341	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6
21	FGI321	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0
		Tổng (II.2)		36	880	224	608	48
		Tổng (II)		50	1210	332	818	60
		Tổng cộng		62	1455	444	940	71

Ghi chú:

- Tỷ lệ giờ thực hành/tổng số giờ: 64%.

- Tổng số giờ thực hành, thực tập thực tế (gồm giờ thực hành MH, MĐ và giờ thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm): 1.555 giờ. Trong đó: giờ thực tập trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp = 800 giờ.

- Quy định về thời lượng:

+ 1 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận +15 giờ tự học) hoặc (45 giờ thực tập cơ sở, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp...).

+ 1 giờ học lý thuyết = 45 phút; 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút.

- Bố trí giờ thực hành của các MH, MĐ chuyên môn nghề:

+ Lớp ≤15 sinh viên: Bố trí 40% thực hành tại trường; 60% thực hành tại các doanh nghiệp.

+ Lớp >15 sinh viên: Thực hành tại trường (nếu có sự thay đổi địa điểm, Nhà trường sẽ có lịch thông báo cụ thể).

- Nguyên tắc xây dựng Thời khóa biểu: Nhà trường sẽ căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng lớp để xây dựng TKB phù hợp.

- Đối với đối tượng đầu vào là học sinh tốt nghiệp THCS: Học sinh không phải đi thực tập MH/MĐ và thực tập tốt nghiệp – trải nghiệm ngoài trường.

4. Phân kỳ chương trình đào tạo

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH NGHỀ: QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ
(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THPT)**

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó		HKI	HKII	HKIII	HKIV	
						LT	TH/ BT					KT
	I	Các môn học chung										
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF121	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG141	Tiếng Anh -1	Lý thuyết	4	80	40	36	4		80		
		Tổng (I)		12	245	112	122	11	90	110	45	0
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
	CPY231	Tâm lý người tiêu dùng	Lý thuyết	3	60	27	30	3	60			
	CML231	Luật Thương mại	Lý thuyết	3	60	27	30	3		60		
	BMG231	Marketing căn bản	Lý thuyết	3	60	27	30	3		60		

	SAG231	Kế toán bán hàng	Lý thuyết	3	60	27	30	3		60		
	MSS221	Thực tập trải nghiệm tại DN	Thực hành	2	90	0	90	0	90			
		Tổng (II.1)		14	330	108	210	12	150	180	0	0
	II.2	Môn học, mô đun chuyên nghề										
	CBR331	Hành vi khách hàng	Lý thuyết	3	60	27	30	3		60		
	SOS341	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
	SAD341	Phân loại và trưng bày hàng hóa	Tích hợp	4	90	30	54	6		20	70	
	PIM341	Quản trị mua hàng và lưu kho	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
	SMS341	Chiến lược Marketing siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
	RCC331	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	Tích hợp	3	70	20	45	5			70	
	SMS341	Phần mềm quản lý bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
	EAM341	Thương mại điện tử	Tích hợp	4	90	30	54	6				90
	PPE341	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6				120
	MSS421	Thực tập tốt nghiệp cuối khóa	Thực hành	2	90	0	90	0				90
		Tổng (II.2)		36	880	224	608	48	0	170	410	300
		Tổng (II)		50	1210	332	818	60	150	350	410	300
		Tổng cộng		62	1455	444	940	71	240	460	455	300

**PHÂN KỲ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH NGHỀ: QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ
(DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP THCS)**

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Loại giáo án	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Phân theo học kỳ				
					Tổng số	Trong đó		HK I	HK II	HK III	HK IV	
						LT	TH/ BT					KT
	I	Các môn học chung										
1	POL121	Giáo dục chính trị -1	Lý thuyết	2	30	28	0	2	30			
2	LAW111	Pháp luật	Lý thuyết	1	15	14	0	1	15			
3	PHE111	Giáo dục thể chất	Thực hành	1	30	0	29	1		30		
4	MIE121	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Thực hành	2	45	15	28	2			45	
5	GIF121	Tin học	Thực hành	2	45	15	29	1	45			
6	ENG141	Tiếng Anh -1	Lý thuyết	4	80	40	36	4		80		
		Tổng (I)		12	245	112	120	11	90	110	45	0
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn										
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở										
7	CPY231	Tâm lý người tiêu dung	Lý thuyết	3	60	27	30	3	60			
8	CML231	Luật Thương mại	Lý thuyết	3	60	27	30	3	60			
9	BMG231	Marketing căn bản	Lý thuyết	3	60	27	30	3	60			
10	SAG231	Kế toán bán hàng	Lý thuyết	3	60	27	30	3	60			
		Tổng (II.1)		12	240	108	120	12	240	0	0	0

	II.2	Môn học, mô đun chuyên nghề										
11	CBR331	Hành vi khách hàng	Lý thuyết	3	60	27	30	3		60		
12	SOS341	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6		90		
13	SAD341	Phân loại và trưng bày hàng hóa	Tích hợp	4	90	30	54	6		70	20	
14	PIM341	Quản trị mua hàng và lưu kho	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
15	SMS341	Chiến lược Marketing siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6			90	
16	RCC331	Quan hệ và chăm sóc khách hàng	Tích hợp	3	70	20	45	5			70	
17	SMS341	Phần mềm quản lý bán hàng siêu thị	Tích hợp	4	90	30	54	6				90
18	EAM341	Thương mại điện tử	Tích hợp	4	90	30	54	6				90
19	PPE341	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	4	120	0	114	6				120
		Tổng (II.2)		34	790	224	513	48	0	220	270	300
		Tổng (II)		46	1030	332	633	60	240	220	270	300
	Tổng cộng			58	1275	444	755	71	330	330	315	300

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Phương thức tổ chức đào tạo: Chương trình đào tạo của nghề Quản lý bán hàng siêu thị được thực hiện theo phương thức Tích lũy tín chỉ.

5.1. Các môn học chung

Các môn học chung được thực hiện theo quy định bắt buộc của Bộ LĐTBXH về chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định trong Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Thông tư 09*) và Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 18/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là *Quyết định 235*).

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định trong Thông tư 09 và *Quyết định 235*

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp của ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Ngô Xuân Hoàng